

UBND XÃ CẨM DUỆ

TỔNG HỢP NIÊM YẾT CÔNG KHAI DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI

Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025

Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Thôn	Số hộ	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ghi chú
			Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
					Lợn nái, đực giống		lợn con		Lợn thịt		
					Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Bộc Nguyên	49	202	18355	68	12057	18	264	116	6034	
2	Na Trung	35	372	16819	51	8143	114	965	207	7711	
3	Cẩm Đồng	18	155	8638	19	3633	40	427	96	4578	
4	Mỹ Thành	17	117	8417	20	3727	20	219	77	4471	
5	Đại Tăng	21	103	5274	17	2788	41	386	45	2100	
6	Xuân Lâu	33	259	15587	41	6423	85	1292	133	7872	
7	Mỹ Sơn	24	170	10575	31	5462	49	227	90	4886	
8	Mỹ Trung	16	105	7519	26	5115	40	355	39	2049	
9	Mỹ Yên	19	127	6403	17	3471	50	570	60	2362	
10	Mỹ Phú	10	90	6951	25	4541	15	35	50	2375	
11	Mỹ Hà	19	169	11556	25	4238	20	182	124	7136	
12	Mỹ Lâm	10	23	3078	13	2450	2	40	8	588	
13	Mỹ Đông	11	59	3816	19	3324	35	246	5	246	
14	Quốc Tuấn	4	34	1517	2	268	9	62	23	1187	
15	Tân Mỹ	24	211	9821	23	3943	79	505	109	5373	
16	Phương Trứ	43	240	11843	24	3517	43	624	173	7702	
17	Quốc Tiến	9	70	4919	13	3079	13	181	44	1659	
18	Tân Duệ	15	92	6388	17	3628	25	173	50	2587	
19	Chu Trinh	5	36	3109	7	1637	3	24	26	1448	
20	Trần Phú	3	15	697	2	438	7	74	6	185	
21	Trung Thành	4	24	1000	1	106	10	160	13	734	
22	Hoa Thám	7	49	1576	5	626	13	193	31	757	
23	Quang Trung	11	98	6113	12	1668	2	8	84	4437	
24	Thống Nhất	25	174	9783	27	4755	59	200	88	4828	
	Cộng	432	2994	179754	505	89037	792	7412	1697	83305	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN BỘC NGUYÊN

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH
DỊCH TẢ CHÂU PHI

Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025

Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		lợn con		Lợn thịt		
								Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Văn Hồng	8	83					8	83	14/6/2025..
	Nguyễn Văn Hồng	6	63					6	63	17/06/2025
2	Trần Văn Công	2	85					2	85	03/7/2025.
3	Dương Thị Cúc	1	143	1	143					31/7/2025.
	Dương Thị Cúc	1	151	1	151					03/8/2025.
	Dương Thị Cúc	2	181	1	138			1	43	07/8/2025.
4	Phạm Văn Đức	1	191	1	191					31/7/2025.
5	Dương Thị Hồng	1	75					1	75	09/8/2025.
	Dương Thị Hồng	1	229	1	229					12/8/2025.
	Dương Thị Hồng	3	247					3	247	17/8/2025.
6	Trần Thị Cúc	2	262	1	257	1	5			21/8/2025
	Trần Thị Cúc	1	227	1	227					26/8/2025
	Trần Thị Cúc	3	403	2	398	1	5			28/8/2025
	Trần Thị Cúc	2	75					2	75	31/10/2025
	Trần Thị Cúc	4	98			4	98			6/11/2025
	Trần Thị Cúc	5	144					5	144	9/11/2025
7	Bùi Mạnh Hùng	2	130					2	130	29/8/2025
8	Nguyễn Quang giáp	1	55					1	55	8/9/2025
	Nguyễn Quang giáp	1	138	1	138					13/9/2025
	Nguyễn Quang giáp	2	205	1	153			1	52	14/9/2025
	Nguyễn Quang giáp	5	396					5	396	15/9/2025
	Nguyễn Quang giáp	4	590	4	590					16/9/2025
	Nguyễn Quang giáp	7	410					7	410	17/9/2025
	Nguyễn Quang giáp	1	83					1	83	23/11/2025
9	Nguyễn Quang Hồng	1	89					1	89	23/9/2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		lợn con		Lợn thịt		
				Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
	Nguyễn Quang Hồng	1	91					1	91	28/9/2025
	Nguyễn Quang Hồng	1	106					1	106	3/10/2025
10	Lê Văn Phương	1	46					1	46	23/9/2025
	Lê Văn phương	1	47					1	47	28/9/2025
	Lê Văn Phương	4	240	1	122			3	118	30/9/2025
11	Phạm Văn Sơn	2	291	1	244			1	47	24/9/2025
	Phạm Văn Sơn	2	75					2	75	29/9/2025
	Phạm Văn Sơn	1	45					1	45	2/10/2025
	Phạm Văn Sơn	2	105					2	105	7/10/2025
	Phạm Văn Sơn	2	96					2	96	17/10/2025
	Phạm Văn Sơn	1	47					1	47	19/11/2025
12	Hồ Xuân Hùng	1	33					1	33	28/9/2025
13	Nguyễn Huy Hiệu	2	271	1	231			1	40	1/10/2025
	Nguyễn Huy Hiệu	1	42					1	42	3/10/2025
14	Nguyễn Thị Minh	2	360	2	360					5/10/2025
	Nguyễn Thị Minh	1	171	1	171					9/10/2025
15	Nguyễn Thị Tâm	1	30					1	30	9/10/2025
16	Hoàng Trọng Hoa	1	125	1	125					5/10/2025
	Hoàng Trọng Hoa	1	149	1	149					6/10/2025
	Hoàng Trọng Hoa	2	404	2	404					16/10/2025
	Hoàng Trọng Hoa	2	179	1	124			1	55	27/10/2025
17	Phạm Văn Lựu	1	90					1	90	9/10/2025
	Phạm Văn Lựu	1	66					1	66	23/10/2025
18	Nguyễn Viết Đông	1	51					1	51	11/10/2025
19	Nguyễn Thị Bình	4	414	2	244			2	170	11/10/2025
	Nguyễn Thị Bình	4	407	1	129			3	278	12/10/2025
	Nguyễn Thị Bình	3	396	2	308			1	88	13/10/2025
	Nguyễn Thị Bình	2	350	2	350					15/10/2025
	Nguyễn Thị Bình	2	191					2	191	17/10/2025
	Nguyễn Thị Bình	2	274	2	274					19/10/2025
	Nguyễn Thị Bình	2	300	2	300					20/10/2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		lợn con		Lợn thịt		
								Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
20	Nguyễn Văn Trí	3	200					3	200	12/10/2025
	Nguyễn Văn Trí	1	68					1	68	17/10/2025
	Nguyễn Văn Trí	8	224			5	26	3	198	31/10/2025
21	Dương Kim Tâm	1	28					1	28	12/10/2025
	Dương Kim Tâm	2	53			2	53			21/11/2025
22	Nguyễn Quang Hành	1	73					1	73	12/10/2025
23	Nguyễn Văn Tiến	1	191	1	191					14/10/2025
	Nguyễn Văn Tiến	1	178	1	178					18/10/2025
24	Nguyễn Thị Nguyệt	2	101					2	101	16/10/2025
25	Dương Kim Phúc	2	80					2	80	17/10/2025
26	Nguyễn Hữu Thức	3	639	3	639					17/10/2025
	Nguyễn Hữu Thức	1	240	1	240					19/10/2025
27	Đặng Thị Huệ	2	83					2	83	17/10/2025
28	Dương Ngọc Tý	2	349	2	349					19/10/2025
	Dương Ngọc Tý	1	280	1	280					25/10/2025
29	Nguyễn Hữu Thi	1	192	1	192					21/10/2025
	Nguyễn Hữu Thi	2	343	2	343					30/10/2025
	Nguyễn Hữu Thi	1	192	1	192					4/11/2025
30	Nguyễn Huy Quyết	1	85					1	85	22/10/2025
31	Nguyễn Huy Hoàng	1	236	1	236					22/10/2025
	Nguyễn Huy Hoàng	1	192	1	192					30/10/2025
32	Nguyễn Sỹ Biên	5	475	2	434	3	41			23/10/2025
	Nguyễn Sỹ Biên	1	164	1	164					5/11/2025
33	Phạm Văn Thuyết	3	127					3	127	25/10/2025
34	Phạm Linh Nga	1	168	1	168					26/10/2025
	Phạm Linh Nga	1	131	1	131					31/10/2025
	Phạm Linh Nga	1	13			1	13			18/11/2025
35	Nguyễn Hữu Học	7	705	2	497			5	208	27/10/2025
36	Nguyễn Sỹ Bình	1	151	1	151					27/10/2025
37	Trần Văn Khánh	3	143					3	143	27/10/2025
38	Nguyễn Huy Tân	1	82					1	82	27/10/2025
39	Nguyễn Huy Dũng	1	151	1	151					29/10/2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		lợn con		Lợn thịt		
Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)					
40	Nguyễn Thị Thảo	1	40					1	40	29/10/2025
	Nguyễn Thị Thảo	1	38					1	38	24/11/2025
41	Nguyễn Sỹ Diên	1	218	1	218					31/10/2025
42	Nguyễn Sỹ Phụng	2	130					2	130	16/10/2025
43	Nguyễn Huy Chiến	1	63					1	63	3/11/2025
	Nguyễn Huy Chiến	1	83					1	83	4/11/2025
	Nguyễn Huy Chiến	3	171					3	171	19/11/2025
44	Nguyễn Văn Lực	1	254	1	254					4/11/2025
	Nguyễn Văn Lực	1	164	1	164					6/11/2025
	Nguyễn Văn Lực	1	46					1	46	23/11/2025
45	Nguyễn Huy Hoa	1	48	1	48					5/11/2025
46	Dương Kim Chí	1	158	1	158					9/11/2025
47	Nguyễn Quang Hưởng	1	166	1	166					12/11/2025
48	Nguyễn Huy Xuân	1	171	1	171					21/11/2025
49	Trần Văn Thắng	1	23			1	23			21/11/2025
	Cộng	202	18355	68	12057	18	264	116	6034	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN NA TRUNG
DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH DỊCH TẢ CHÂU PHI

Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025
Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày, tháng tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		lợn con		Lợn thịt		
Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Hà Thị Hiền	1	163	1	163					14/6/2025.
	Hà Thị Hiền	26	151			13	12	13	139	23/06/2025
2	Đặng Thị Yên	1	231	1	231					10/07/2025.
3	Nguyễn Văn Liên	14	203					14	203	7/29/2025
	Nguyễn Văn Liên	1	106	1	106					04/8/2025.
4	Trần Văn Thanh	1	195	1	195					29/7/2025.
5	Nguyễn Văn Cảnh	3	451	3	451					30/7/2025.
	Nguyễn Văn Cảnh	1	158	1	158					08/8/2025.
	Nguyễn Văn Cảnh	2	17			2	17			10/8/2025.
	Nguyễn Văn Cảnh	3	150	1	127			2	23	14/8/2025.
	Nguyễn Văn Cảnh	10	106			10	106			20/8/2025
	Nguyễn Văn Cảnh	2	129	1	119	1	10			21/8/2025
	Nguyễn Văn Cảnh	2	20			2	20			22/8/2025
	Nguyễn Văn Cảnh	2	20			2	20			26/8/2025
	Nguyễn Văn Cảnh	3	31			3	31			28/8/2025
6	Dương Đức Tuệ	4	81					4	81	01/8/2025.
	Dương Đức Tuệ	3	68					3	68	09/8/2025.
	Dương Đức Tuệ	1	151	1	151					12/9/2025
	Dương Đức Tuệ	1	27					1	27	13/9/2025
	Dương Đức Tuệ	7	204					7	204	15/9/2025
	Dương Đức Tuệ	3	77					3	77	22/9/2025
7	Phạm Văn Công	1	123	1	123					02/8/2025.
8	Dương Hữu Tiến	1	37					1	37	05/8/2025.
	Dương Hữu Tiến	1	64					1	64	07/8/2025.
9	Đậu Thị Mậu	1	38					1	38	15/8/2025.
	Đậu Thị Mậu	11	288					11	288	16/8/2025.
	ĐậuThị Mậu	13	325					13	325	17/08/2025.
	Đậu Thị Mậu	7	280					7	280	22/8/2025
	Đậu Thị Mậu	5	191					5	191	23/8/2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày, tháng tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		lợn con		Lợn thịt		
Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)					
	Đậu Thị Mậu	5	193					5	193	24/8/2025
	Đậu Thị Mậu	1	37					1	37	27/9/2025
	Đậu Thị Mậu	2	82					2	82	26/10/2025
	Đậu Thị Mậu	8	332					8	332	28/10/2025
	Đậu Thị Mậu	1	43					1	43	29/10/2025
10	Phạm Thị Hồng	1	131	1	131					16/8/2025.
11	Trần Văn Phong	1	110	1	110					20/9/2025
	Trần Văn Phong	1	117	1	117					5/10/2025
12	Cao Khắc Hà	1	51					1	51	24/9/2025
	Cao Khắc Hà	5	242					5	242	27/9/2025
	Cao Khắc Hà	3	617	3	617					29/9/2025
	Cao Khắc Hà	4	213					4	213	13/11/2025
13	Hà Văn Hồng	1	136					1	136	26/9/2025
	Hà Văn Hồng	4	340					4	340	28/9/2025
	Hà Văn Hồng	2	183					2	183	1/10/2025
14	Nguyễn Văn Nghĩa	1	123	1	123					4/10/2025
15	Trương Thị Toàn	1	126	1	126					5/10/2025
	Trương Thị Toàn	1	186	1	186					13/10/2025
	Trương Thị Toàn	1	148	1	148					17/10/2025
16	Hồ Văn Huân	1	60					1	60	9/10/2025
	Hồ Văn Huân	2	85					2	85	25/10/2025
17	Dương Văn Thiện	6	154					6	154	12/10/2025
	Dương Văn Thiện	6	151					6	151	13/10/2025
	Dương Văn Thiện	5	211					5	211	15/10/2025
	Dương Văn Thiện	4	101					4	101	24/10/2025
18	Lê Thị Thêm	7	512					7	512	13/10/2025
	Lê Thị Thêm	5	97					5	97	17/10/2025
	Lê Thị Thêm	5	341			1	10	4	331	22/10/2025
	Lê Thị Thêm	4	247			1	9	3	238	23/10/2025
	Lê Thị Thêm	7	337					7	337	24/10/2025
	Lê Thị Thêm	7	575	2	393	3	27	2	155	25/10/2025
	Lê Thị Thêm	10	494	2	272	6	53	2	169	28/10/2025
	Lê Thị Thêm	4	49			4	49			11/11/2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày, tháng tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		lợn con		Lợn thịt		
Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)					
19	Hà Huy Vinh	1	123	1	123					13/10/2025
20	Phạm Văn Tính	2	120					2	120	15/10/2025
21	Nguyễn Thị Lợi	5	78					5	78	16/10/2025
22	Hà Thị Liên	1	119	1	119					16/10/2025
23	Ngô Thị Vy	3	395	2	353			1	42	16/10/2025
	Ngô Thị Vy	6	290	1	80			5	210	19/10/2025
	Ngô Thị Vy	5	528	2	480	3	48			20/10/2025
	Ngô Thị Vy	2	26			1	8	1	18	24/10/2025
	Ngô Thị Vy	6	77			6	77			26/10/2025
24	Nguyễn Văn Dân	2	356	2	356					16/10/2025
	Nguyễn Văn Dân	4	288	1	240	3	48			21/10/2025
	Nguyễn Văn Dân	1	240	1	240					22/10/2025
25	Nguyễn Văn Xuân	16	210	1	192	15	18			22/10/2025
	Nguyễn Văn Xuân	16	350	2	336	14	14			26/10/2025
26	Trương Quang Sơn	1	75	1	75					22/10/2025
	Trương Quang Sơn	2	168	1	117			1	51	20/11/2025
27	Dương Hữu Nghĩa	1	50					1	50	25/10/2025
28	Âu Văn Thịnh	1	138	1	138					26/10/2025
29	Nguyễn Văn Diện	5	296	1	143			4	153	28/10/2025
	Nguyễn Văn Diện	1	40					1	40	31/10/2025
	Nguyễn Văn Diện	2	34			2	34			13/11/2025
	Nguyễn Văn Diện	3	53			3	53			14/11/2025
	Nguyễn Văn Diện	4	324	1	227			3	97	24/11/2025
30	Bùi Thị Thuận	1	105	1	105					30/10/2025
	Bùi Thị Thuận	1	123	1	123					7/11/2025
	Bùi Thị Thuận	5	98			5	98			11/11/2025
	Bùi Thị Thuận	1	19			1	19			18/11/2025
	Bùi Thị Thuận	1	22			1	22			20/11/2025
31	Âu Văn Thiều	6	182					6	182	5/11/2025
32	Trần Văn Quốc	2	392	2	392					7/11/2025
	Trần Văn Quốc	1	13			1	13			20/11/2025
	Trần Văn Quốc	3	40			3	40			23/11/2025
	Trần Văn Quốc	7	96			7	96			24/11/2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						Ngày, tháng tiêu hủy
				Lợn nái, đực giống		lợn con		Lợn thịt		
				Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
33	Đào Thị Hoa	3	172					3	172	11/11/2025
34	Đào Kim Quán	1	124	1	124					02/12/2025.
35	Dương Hoàn Vị	1	133	1	133					02/12/2025
	Dương Hoàn Vị	1	13			1	13			15/12/2025.
	Cộng	372	16819	51	8143	114	965	207	7711	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN CẨM ĐỒNG

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH

Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025

Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
				Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lợn g (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phạm thị Lương	1	78					1	78	05/8/2025.
	Phạm thị Lương	1	78					1	78	18/8/2025.
	Phạm thị Lương	2	54					2	54	30/8/2025
2	Đặng Thị Luân	5	264	1	200	3	24	1	40	18/8/2025.
	Đặng Thị Luân	12	383	1	211	9	72	2	100	24/8/2025
3	Nguyễn Hữu Dương	1	52					1	52	23/9/2025
	Nguyễn Hữu Dương	5	288					5	288	27/9/2025
4	Nguyễn Văn Nhẫn	4	461	1	291			3	170	27/9/2025
	Nguyễn Văn Nhẫn	4	192					4	192	28/9/2025
	Nguyễn Văn Nhẫn	1	265	1	265					27/10/2025
5	Đinh Văn Sơn	4	454	2	411			2	43	3/10/2025
	Đinh Văn Sơn	7	203					7	203	10/10/2025
	Đinh Văn Sơn	7	91			7	91			11/10/2025
6	Cao Khắc Toàn	11	624					11	624	2/10/2025
	Cao Khắc Toàn	1	223	1	223					3/10/2025
	Cao Khắc Toàn	4	227					4	227	4/10/2025
7	Nguyễn Văn Canh	1	92	1	92					11/10/2025
	Nguyễn Văn Canh	5	130					5	130	18/10/2025
8	Lưu Như Tinh	1	161	1	161					12/10/2025
9	Nguyễn Văn Trung	5	224					5	224	13/10/2025
	Nguyễn Văn Trung	9	447					9	447	15/10/2025
	Nguyễn Văn Trung	4	447	2	357			2	90	18/10/2025
	Nguyễn Văn Trung	4	221					4	221	22/10/2025
	Nguyễn Văn Trung	2	136					2	136	24/10/2025
	Nguyễn Văn Trung	5	277	1	151			4	126	28/10/2025
10	Đoàn Duy Chiến	1	41					1	41	13/10/2025
	Đoàn Duy Chiến	2	144	1	96			1	48	17/10/2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
				Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lợn g (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
11	Nguyễn Thị Giacs	2	76					2	76	16/10/2025
	Nguyễn Thị Giacs	1	40					1	40	3/11/2025
12	Lưu Như Kỳ	4	229					4	229	17/10/2025
	Lưu Như Kỳ	5	280					5	280	18/10/2025
	Lưu Như Kỳ	1	257	1	257					27/10/2025
13	Nguyễn Văn Lan	14	416	2	284	12	132			19/10/2025
14	Trần Thị Hằng	1	138	1	138					11/10/2025
	Trần Thị Hằng	9	108			9	108			23/10/2025
15	Đinh Văn Luyện	4	186					4	186	16/10/2025
16	Nguyễn Văn Ánh	2	107					2	107	21/10/2025
17	Nguyễn Trọng Danh	1	138	1	138					27/10/2025
	Nguyễn Trọng Danh	1	48					1	48	17/11/2025
18	Nguyễn Văn Thành	1	358	1	358					13/11/2025
	Cộng	155	8638	19	3633	40	427	96	4578	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN MỸ THÀNH

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH DỊCH TẢ CHÂU

Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025

Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ghi chú
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Văn Hà	1	139	1	139					03/7/2025.
	Nguyễn Văn Hà	1	55					1	55	8/10/2025
	Nguyễn Văn Hà	2	102					2	102	9/10/2025
	Nguyễn Văn Hà	3	161					3	161	10/10/2025
	Nguyễn Văn Hà	3	144					3	144	16/10/2025
2	Nguyễn Văn Quang	5	250					5	250	23/7/2025.
3	Nguyễn Lưu Ân	1	292	1	292					24/7/2025.
	Nguyễn Lưu Ân	3	268					3	268	31/7/2025.
4	Phạm Trọng Trung	1	207	1	207					30/7/2025.
5	Phạm Thị Hiếu	1	309	1	309					30/7/2025.
	Phạm Thị Hiếu	2	254	1	192			1	62	08/8/2025.
	Phạm Thị Hiếu	1	189	1	189					10/8/2025.
	Phạm Thị Hiếu	4	155					4	155	26/10/2025
6	Ngô Văn Cường	1	207	1	207					31/7/2025.
	Ngô Văn Cường	1	199	1	199					05/8/2025.
	Ngô Văn Cường	1	41					1	41	9/8/2025
	Ngô Văn Cường	1	46					1	46	11/8/2025
	Ngô Văn Cường	2	89					2	89	17/8/2025
7	Phạm Trọng Quân	1	80					1	80	01/8/2025.
	Phạm Trọng Quân	1	10			1	10			02/8/2025.
	Phạm Trọng Quân	2	23			2	23			4/8/2025.
	Phạm Trọng Quân	6	493					6	493	05/8/2025.
	Phạm Trọng Quân	3	218					3	218	18/8/2025.
	Phạm Trọng Quân	5	55			5	55			19/8/2025
8	Ngô Thị Minh	1	158	1	158					3/10/2025
	Ngô Thị Minh	1	198	1	198					5/10/2025
	Ngô Thị Minh	4	319	1	228	1	11	2	80	9/10/2025
	Ngô Thị Minh	5	120			2	22	3	98	14/10/2025
	Ngô Thị Minh	8	231			4	49	4	182	18/10/2025
	Ngô Thị Minh	8	164			5	49	3	115	23/10/2025
9	Nguyễn Văn Hiên	1	176	1	176					15/10/2025
	Nguyễn Văn Hiên	1	96	1	96					23/10/2025
10	Nguyễn Minh Nhật	1	65					1	65	17/10/2025
	Nguyễn Minh Nhật	4	263					4	263	25/10/2025
	Nguyễn Minh Nhật	1	60					1	60	3/11/2025
11	Đông Tuấn Anh	2	259	1	189			1	70	17/10/2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ghi chú
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)					
	Đồng Tuấn Anh	5	426					5	426	21/10/2025
	Đồng Tuấn Anh	4	322					4	322	22/10/2025
12	Phạm Trọng Nam	2	300	2	300					20/10/2025
13	Võ Văn Sửu	1	93	1	93					25/10/2025
	Võ Văn Sửu	5	392	1	280			4	112	29/10/2025
	Võ Văn Sửu	3	122					3	122	30/10/2025
14	Ngô Văn Thắng	2	185	1	105			1	80	9/11/2025
15	Phạm Trọng Hiệp	1	32					1	32	9/11/2025
16	Nguyễn Thị Hiền	1	170	1	170					11/11/2025
17	Ngô Văn Tý	4	280					4	280	23/11/2025
	Cộng	117	8417	20	3727	20	219	77	4471	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN ĐẠI TĂNG
DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH DỊCH TẢ CHÂU PHI

Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025

Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày, tháng tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn văn Thành	1	249	1	249					18/7/2025.
	Nguyễn văn Thành	1	242	1	242					7/23/2025
2	Lê Thị Nga	8	190					8	190	31/7/2025.
3	Nguyễn Xuân Yên	1	75					1	75	26/9/2025
4	Nguyễn Văn Dũng	1	123	1	123					5/10/2025
5	Lâm Phúc Vinh	1	116	1	116					5/10/2025
	Lâm Phúc Vinh	4	285	1	200	2	20	1	65	27/10/2025
	Lâm Phúc Vinh	8	160			8	160			10/11/2025
6	Lâm Phúc Minh	1	121	1	121					5/10/2025
	Lâm Phúc Minh	3	252	2	245	1	7			13/10/2025
	Lâm Phúc Minh	2	15			2	15			19/10/2025
	Lâm Phúc Minh	7	52			7	52			24/10/2025
	Lâm Phúc Minh	8	96			8	96			27/10/2025
7	Nguyễn Văn Hòa	2	101					2	101	6/10/2025
8	Đàm Văn Huấn	1	195	1	195					7/10/2025
	Đàm Văn Huấn	2	108					2	108	24/11/2025
	Đàm Văn Huấn	1	40					1	40	25/11/2025
9	Trần Văn Quý	2	143					2	143	7/10/2025
10	Lâm Phúc Vân	1	25					1	25	13/10/2025
	Lâm Phúc Vân	2	60					2	60	20/10/2025
11	Nguyễn Văn Năng	1	51					1	51	13/10/2025
	Nguyễn Văn Năng	3	133	1	108	2	25			19/10/2025
	Nguyễn Văn Năng	1	78					1	78	23/10/2025
	Nguyễn Văn Năng	12	194	1	183	11	11			25/10/2025
	Nguyễn Văn Năng	1	40					1	40	28/10/2025
12	Nguyễn Văn Sinh	1	70					1	70	13/10/2025
	Đàm Văn Huấn	1	40					1	40	25/11/2025
	Nguyễn Văn Sinh	1	75					1	75	22/11/2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày, tháng tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)					
13	Nguyễn Thị Nghĩa	1	71	1	71					14/10/2025
	Nguyễn Thị Nghĩa	1	74	1	74					22/10/2025
14	Nguyễn Thị An	1	223	1	223					19/10/2025
	Nguyễn Thị An	1	291	1	291					25/10/2025
15	Phạm Văn Bình	2	80					2	80	19/10/2025
16	Nguyễn Lưu Đại	4	221					4	221	22/10/2025
17	Phạm thị Minh	1	45					1	45	24/10/2025
18	Nguyễn Khắc Trung	2	75					2	75	25/10/2025
	Nguyễn Khắc Trung	1	214	1	214					22/11/2025
19	Nguyễn Thừa Hương	1	30					1	30	30/10/2025
	Nguyễn Thừa Hương	2	173	1	133			1	40	5/11/2025
20	Phạm Văn Khuynh	3	275					3	275	9/11/2025
21	Nguyễn Văn Nhiên	2	70					2	70	16/11/2025
	Nguyễn Văn Nhiên	2	66					2	66	17/11/2025
	Nguyễn Văn Nhiên	1	37					1	37	20/11/2025
	Cộng	103	5274	17	2788	41	386	45	2100	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN XUÂN LÂU
DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH DỊCH TẢ CHÂU
Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025
Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày, Tháng tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
				Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trần Duy Hương	1	259	1	259					25/6/2025.
2	Võ Thị Phương	4	120					4	120	02/8/2025.
3	Nguyễn Văn Tuấn	1	244	1	244					04/8/2025.
	Nguyễn Văn Tuấn	1	50					1	50	8/10/2025
	Nguyễn Văn Tuấn	3	211	1	109			2	102	9/10/2025
	Nguyễn Văn Tuấn	2	104					2	104	10/10/2025
4	Hồ Quốc Công /phan thị minh	1	127	1	127					04/8/2925.
	Hồ Quốc Công /phan thị minh	1	92	1	92					17/11/2025
5	Dương văn Kỳ	2	267	1	227			1	40	06/8/2025.
	Dương văn Kỳ	7	531					7	531	07/8/2025.
	Dương văn Kỳ	3	495	3	495					13/8/2025.
	Dương văn Kỳ	1	70					1	70	12/10/2025
6	Trần Đăng Mận	3	381					3	381	12/8/2025.
	Trần Đăng Mận	5	627					5	627	13/8/2025.
	Trần Đăng Mận	5	678					5	678	14/8/2025.
	Trần Đăng Mận	6	817					6	817	15/08/2025.
	Trần Đăng Mận	3	382					3	382	16/8/2025.
	Trần Đăng Mận	5	75			5	75			19/8/2025
	Trần Đăng Mận	4	60			4	60			22/8/2025
	Trần Đăng Mận	1	272	1	272					29/8/2025
	Trần Đăng Mận	8	240					8	240	31/10/2025
	Trần Đăng Mận	2	70					2	70	6/11/2025
7	Dương Văn Tiến	1	237	1	237					13/8/2025.
	Dương Văn Tiến	2	286	2	286					25/10/2025
	Dương Văn Tiến	2	126	1	106	1	20			31/10/2025
	Dương Văn Tiến	1	197	1	197					4/11/2025
8	Lê Hiếu	1	50					1	50	8/10/2025
	Lê Hiếu	1	50					1	50	13/10/2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày, Tháng tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
				Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
9	Trần Thị Hiền	1	148	1	148					10/10/2025
	Trần Thị Hiền	2	255	2	255					17/10/2025
10	Trương Quang Vinh	1	127	1	127					14/10/2025
	Trương Quang Vinh	3	122					3	122	21/10/2025
	Trương Quang Vinh	6	400	2	190			4	210	28/10/2025
	Trương Quang Vinh	3	45			3	45			7/11/2025
11	Phạm Thanh Hường	1	20					1	20	14/10/2025
	Phạm Thanh Hường	2	100					2	100	20/10/2025
12	Nguyễn Bá Hải	1	176	1	176					14/10/2025
13	Dương Văn Quang	1	53					1	53	14/10/2025
	Dương Văn Quang	4	279					4	279	21/10/2025
	Dương Văn Quang	1	176	1	176					12//2025
14	Lê Anh Tuấn	14	288	1	262	13	26			17/10/2025
	Lê Anh Tuấn	2	484	2	484					26/10/2025
	Lê Anh Tuấn	2	40					2	40	30/10/2025
	Lê Anh Tuấn	2	40			2	40			31/10/2025
	Lê Anh Tuấn	8	135			8	135			3/11/2025
	Lê Anh Tuấn	3	45			3	45			10/11/2025
	Lê Anh Tuấn	1	257	1	257					14/11/2025
	Lê Anh Tuấn	3	45			3	45			16/11/2025
	Lê Anh Tuấn	3	60			3	60			17/11/2025
	Lê Anh Tuấn	6	269	1	169	5	100			20/11/2025
	Lê Anh Tuấn	4	249	1	198	3	51			21/11/2025
	Lê Anh Tuấn	5	75			5	75			23/11/2025
15	Trần Đăng Xuân	2	80					2	80	20/10/2025
16	Đào Văn Trung	2	135					2	135	21/10/2025
	Đào Văn Trung	5	350					5	350	23/11/2025
17	Trần Đăng Thêm	6	128					6	128	21/10/2025
	Trần Đăng Thêm	5	100					5	100	23/10/2025
	Trần Đăng Thêm	6	251	1	151			5	100	29/10/2025
	Trần Đăng Thêm	7	140			7	140			4/11/2025
	Trần Đăng Thêm	6	120			6	120			6/11/2025
	Trần Đăng Thêm	2	60			2	60			21/11/2025
18	Trần Duy Toàn	1	189	1	189					22/10/2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày, Tháng tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
				Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
	Trần Duy Toàn	3	110	1	80	2	30			2/10/2025
	Trần Duy Toàn	3	45			3	45			14/11/2025
19	Dương Văn Dung	2	118					2	118	24/10/2025
	Dương Văn Dung	1	55					1	55	14/11/2025
	Dương Văn Dung	1	50					1	50	20/11/2025
20	Trần Đăng Mậu	1	85					1	85	24/10/2025
21	Chu Văn Khương	3	80					3	80	25/10/2025
	Chu Văn Khương	1	99	1	99					29/10/2025
22	Nguyễn Văn Nghĩa	2	173	1	103			1	70	25/10/2025
	Nguyễn Văn Nghĩa	1	80					1	80	3/11/2025
23	Trần Duy Hồng	1	40					1	40	27/10/2025
	Trần Duy Hồng	1	40					1	40	29/10/2025
	Trần Duy Hồng	1	50					1	50	3/11/2025
	Trần Duy Hồng	1	50					1	50	14/11/2025
24	Lê Văn Bình	2	129	1	69			1	60	28/10/2025
25	Dương Văn Hiến	8	240					8	240	28/10/2025
	Dương Văn Hiến	1	131	1	131					4/11/2025
	Dương Văn Hiến	3	120					3	120	14/11/2025
26	Trần đăng Lưu	1	50					1	50	29/10/2025
	Trần đăng Lưu	1	50					1	50	31/10/2025
	Trần đăng Lưu	1	60					1	60	3/11/2025
	Trần đăng Lưu	1	60					1	60	4/11/2025
	Trần đăng Lưu	1	45					1	45	6/11/2025
27	Dương Văn Hùng	2	140					2	140	29/10/2025
28	Võ Tá Phong	1	99	1	99					31/10/2025
	Võ Tá Phong	1	70					1	70	4/11/2025
29	Võ Tá Thái	1	70					1	70	3/11/2025
	Võ Tá Thái	1	70					1	70	4/11/2025
30	Dương Ngọc Đức	1	140	1	140					3/11/2025
	Dương Ngọc Đức	1	85	1	85					7/11/2025
31	Nguyễn Xuân Kỳ	1	99	1	99					4/11/2025
32	Nguyễn Văn Tình	1	85	1	85					6/11/2025
33	Trần Đăng Hạnh	3	90					3	90	14/11/2025
	Trần Đăng Hạnh	5	90			5	90			16/11/2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày, Tháng tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
				Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
	Trần Đăng Hạnh	2	30			2	30			17/11/2025
	Cộng	259	15587	41	6423	85	1292	133	7872	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN MỸ SƠN
DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH DỊCH TẢ CHÂU PHI
Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025
Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày, tháng tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
				Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trần Như Ty	5	456	2	432	3	24			20/6/2025.
	Trần Như Ty	4	476	2	462	2	14			22/6/2025.
	Trần Như Ty	5	575	2	489			3	86	23/6/2025.
	Trần Như Ty	4	261	1	240	3	21			24/6/2025.
2	Cao Thị Thanh	6	480					6	480	27/7/2025.
	Cao Thị Thanh	4	472	2	392	1	4	1	76	05/8/2025.
	Cao Thị Thanh	4	17			4	17			11/8/2025.
	Cao Thị Thanh	5	22			5	22			17/8/2025.
3	Nguyễn Thị Thủy	1	93					1	93	05/8/2025.
	Nguyễn Thị Thủy	1	85					1	85	16/8/2025.
	Nguyễn Thị Thủy	5	381			2	18	3	363	23/10/2025
	Nguyễn Thị Thủy	3	37			3	37			30/10/2025
4	Nguyễn Thị Lệ	13	304	1	280	12	24			10/8/2025.
5	Kiều Thị Liên	4	111					4	111	11/8/2025.
6	Hoàng Trọng Nghị	1	164	1	164					11/8/2025.
7	Lê Đình Bình	1	108	1	108					15/10/2025
	Lê Đình Bình	5	313					5	313	26/10/2025
	Lê Đình Bình	3	179					3	179	3/11/2025
	Lê Đình Bình	1	60					1	60	12/11/2025
	Lê Đình Bình	1	138	1	138					12/12/2025
8	Phan Đình Diệu	2	75					2	75	21/10/2025
	Phan Đình Diệu	8	373					8	373	27/10/2025
9	Dương Thị Loan	1	322	1	322					21/10/2025
10	Dương Thị Hiền	1	227	1	227					23/10/2025
	Dương Thị Hiền	2	203	1	138			1	65	29/10/2025
11	Lê Đình Bính	1	161	1	161					26/10/2025
	Lê Đình Bính	1	151	1	151					3/11/2025
12	Dương Hữu Long/ Nguyễn Thị xuân	1	259	1	259					27/10/2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày, tháng tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)			
	Dương Hữu Long/ Nguyễn Thị xuân	1	80					1	80	12/11/2025
	Dương Hữu Long/ Nguyễn Thị xuân	1	118	1	118					20/11/2025
13	Dương Hữu giáp	8	369	1	89			7	280	3/11/2025
	Dương Hữu giáp	2	97					2	97	13/11/2025
14	Nguyễn Hữu Dũng	5	127			1	7	4	120	3/11/2025
	Nguyễn Hữu Dũng	2	80					2	80	7/11/2025
	Nguyễn Hữu Dũng	1	158	1	158					21/11/2025
15	Nguyễn Huy Lý	1	50					1	50	3/11/2025
16	Hoàng Trọng Bình/ Dương Thị Lộc	1	127	1	127					3/11/2025
	Hoàng Trọng Bình/ Dương Thị Lộc	4	134					4	134	4/11/2025
17	Lê Đình Lý	7	324	1	84			6	240	7/11/2025
	Lê Đình Lý	2	96					2	96	11/11/2025
	Lê Đình Lý	15	238	2	199	13	39			12/11/2025
	Lê Đình Lý	4	160					4	160	20/11/2025
18	Nguyễn Thị Dân	1	179	1	179					7/11/2025
19	Lê Đình Luận	1	145	1	145					12/11/2025
20	Nguyễn Thị Bình	3	51					3	51	12/11/2025
21	Lê Đình Hà	1	75					1	75	12/11/2025
	Lê Đình Hà	1	39					1	39	23/11/2025
22	Lê Đình Hùng/ Dương Thị Ngọc Thúy	5	430					5	430	12/11/2025
	Lê Đình Hùng/ Dương Thị Ngọc Thúy	6	505					6	505	13/11/2025
23	Phan Thị Thuận	2	90					2	90	12/11/2025
	Phan Thị Thuận	2	266	2	266					21/11/2025
24	Trần Như Phong	1	134	1	134					21/11/2025
	Cộng	170	10575	31	5462	49	227	90	4886	

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH DỊCH TẢ CHÂU

Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025

Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày, tháng tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
				Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phan Khắc Lý	1	295	1	295					19/6/2025.
2	Dương Hữu Hoạt	10	262	1	232	9	30			28/6/2025.
	Dương Hữu Hoạt	1	151	1	151					03/7/2025.
	Dương Hữu Hoạt	9	234	1	194	8	40			06/7/2025.
3	Lê Văn Hồng	11	227	1	207	10	20			11/7/2025.
	Lê Văn Hồng	1	52					1	52	23/07/2025,
	Lê Văn Hồng	2	86					2	86	01/8/2025.
	Lê Văn Hồng	1	85	1	85					09/8/2025.
4	Phạm Đình chiến	1	73					1	73	15/7/2025.
5	Dương Hữu Tư	1	223	1	223					20/7/2025.
	Dương Hữu Tư	1	240	1	240					23/7/2025.
6	Bùi Đức Dũng/ Lê Thị Mỹ	1	96	1	96					29/7/2025.
	Bùi Đức Dũng/ Lê Thị Mỹ	1	50					1	50	4/11/2025.
7	Phan Khắc kể	1	146	1	146					10/8/2025.
	Phan Khắc kể	6	113			6	113			10/11/2025
	Phan Khắc kể	2	50			2	50			18/11/2025
8	Lê Đắc Bùng	3	142					3	142	15/8/2025.
	Lê Đắc Bùng	1	244	1	244					18/10/2025
	Lê Đắc Bùng	4	255					4	255	23/10/2025
	Lê Đắc Bùng	5	326					5	326	24/10/2025
	Lê Đắc Bùng	7	575	2	406			5	169	26/10/2025
	Lê Đắc Bùng	8	577	1	210			7	367	27/10/2025
	Lê Đắc Bùng	2	398	2	398					29/10/2025
9	Bùi Văn Triều	1	201	1	201					23/10/2025
	Bùi Văn Triều	1	240	1	240					29/10/2025
11	Võ Tá Hồng	1	151	1	151					23/10/2025
	Võ Tá Hồng	5	340	1	240			4	100	4/11/2025
12	Lê Văn Thanh	2	328	2	328					26/10/2025
	Lê Văn Thanh	3	239					3	239	5/11/2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày, tháng tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
				Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
13	Bùi Văn Bình	1	96	1	96					29/10/2025
14	Dương Hữu Ân	3	190					3	190	10/11/2025
15	Phạm Đăng Huân	1	164	1	164					10/11/2025
16	Trương Thế Bình	1	221	1	221					18/11/2025
	Trương Thế Bình	4	407	1	347	3	60			26/11/2025.
	Trương Thế Bình	2	42			2	42			05/12/2025.
	Cộng	105	7519	26	5115	40	355	39	2049	

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH DỊCH TẢ CHÂU PHI*Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025*

Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày, tháng tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
				Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phan Thị Thu	11	320	1	275	10	45			10/6/2025.
2	Nguyễn Kỳ Hải	2	50					2	50	5/8/2025.
	Nguyễn Kỳ Hải	8	187					8	187	06/8/2025.
	Nguyễn Kỳ Hải	2	48					2	48	11/8/2025.
	Nguyễn Kỳ Hải	2	49					2	49	18/8/2025.
	Nguyễn Kỳ Hải	2	56					2	56	19/8/2025
	Nguyễn Kỳ Hải	4	119					4	119	9/9/2025
3	Nguyễn Văn Ca	1	240	1	240					15/8/2025.
4	Đậu Văn Tuyên	1	254	1	254					14/10/2025
5	Trần Hậu Xuân	1	246	1	246					26/10/2025
	Trần Hậu Xuân	1	249	1	249					3/11/2025
	Trần Hậu Xuân	12	216			12	216			16/11/2025
6	Lê Văn Công	1	106	1	106					26/10/2025
	Lê Văn Công	2	255	2	255					3/11/2025
	Lê Văn Công	11	160			11	160			17/11/2025
7	Trần Hậu Hòa	1	352	1	352					26/10/2025
8	Nguyễn Thị Luận	1	50					1	50	26/10/2025
9	Lưu Thị Phương	1	75					1	75	29/10/2025
	Lưu Thị Phương	2	160					2	160	11/11/2025
10	Bùi Đức Vy	3	200					3	200	31/10/2025
11	Lưu Như Tảo	8	400					8	400	31/10/2025
12	Lê Hữu Sơn	2	114					2	114	3/11/2025
13	Dương Hà	1	249	1	249					3/11/2025
	Dương Hà	4	449	1	247			3	202	9/11/2025
	Dương Hà	1	70					1	70	10/11/2025
	Dương Hà	3	218					3	218	11/11/2025
	Dương Hà	2	100			1	11	1	89	12/11/2025
	Dương Hà	3	31			3	31			15/11/2025
	Dương Hà	6	72			6	72			20/11/2025
14	Lưu Như Toàn	3	185	1	105			2	80	10/11/2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày, tháng tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)					
15	Bùi Đức Nghĩa	1	145	1	145					10/11/2025
16	Lê Đình Sơn	8	186	1	151	7	35			15/11/2025
	Lê Đình Sơn	1	158	1	158					22/11/2025
17	Lê Hữu Hường	1	232	1	232					15/11/2025
	Lê Hữu Hường	11	55					11	55	23/11/2025
18	Nguyễn Văn Tùng	1	207	1	207					19/11/2025
	Nguyễn Văn Tùng	1	71					1	71	20/11/2025
19	Phan Thị Tịnh	1	69					1	69	08/12/2025.
	Cộng	127	6403	17	3471	50	570	60	2362	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN MỸ PHÚ
DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH DỊCH TẢ CHÂU PHI

Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025

Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ghi chú
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
				Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Dương Văn Sơn	1	158	1	158					31/7/2025.
	Dương Văn Sơn	1	178	1	178					05/8/2025.
	Dương Văn Sơn	4	950	4	950					07/8/2025.
2	lê Hữu Sửu	1	82	1	82					02/8/2025.
	lê Hữu Sửu	1	129	1	129					12/08/2025.
	lê Hữu Sửu	1	192	1	192					4/10/2025
3	Bùi Đức Tịnh	2	331	2	331					05/8/2025.
	Bùi Đức Tịnh	1	244	1	244					07/8/2025.
	Bùi Đức Tịnh	3	252					3	252	08/8/2025.
	Bùi Đức Tịnh	2	167					2	167	09/8/2025.
	Bùi Đức Tịnh	2	226	1	143			1	83	17/8/2025.
4	Trần đình Giang	1	138	1	138					06/8/2025.
	Trần đình Giang	3	331	1	171			2	160	07/8/2025.
	Trần đình Giang	2	177	1	170	1	7			14/8/2025.
5	Võ Thị ánh	16	960					16	960	08/8/2025.
	Võ Thị ánh	10	350					10	350	13/8/2025.
	Võ Thị ánh	11	110					11	110	30/8/2025
6	Dương Văn Tuyển	5	602	2	389			3	213	12/8/2025.
	Dương Văn Tuyển	2	244	2	244					13/8/2025.
	Dương Văn Tuyển	1	247	1	247					14/8/2025.
	Dương Văn Tuyển	15	268	1	240	14	28			16/8/2025.
7	Bùi Thị Bình	1	151	1	151					29/10/2025
8	Trần Thị Quế	1	192	1	192					9/11/2025
9	Trần Thị Phúc	2	80					2	80	10/11/2025
10	Phạm Văn Chiến	1	192	1	192					10/11/2025
	Cộng	90	6951	25	4541	15	35	50	2375	

UBND XÃ CẨM DUỆ

THÔN MỸ HÀ

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH DỊCH TẢ CHÂU PHI

Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025

Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày, tháng tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
				Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Thế Sỹ / Lê Thị Bình	1	146	1	146					10/8/2025.
	Nguyễn Thế Sỹ	1	48					1	48	16/8/2025
	Nguyễn Thế Sỹ	3	90					3	90	27/8/2025
2	Nguyễn Thị Hoàn	3	60					3	60	20/8/2025
	Nguyễn Thị Hoàn	1	30					1	30	24/8/2025
	Nguyễn Thị Hoàn	1	140	1	140					21/10/2025
	Nguyễn Thị Hoàn	2	146					2	146	27/10/2025
	Nguyễn Thị Hoàn	2	147					2	147	4/11/2025
3	Nguyễn Thị Liên	1	207	1	207					17/9/2025
	Nguyễn Thị Liên	3	97					3	97	23/9/2025
	Nguyễn Thị Liên	1	35					1	35	27/9/2025
4	Nguyễn Thị Luyến	2	92					2	92	29/9/2025
	Nguyễn Thị Luyến	2	175	1	101			1	74	6/10/2025
	Nguyễn Thị Luyến	2	199	1	123			1	76	7/10/2025
	Nguyễn Thị Luyến	5	389	1	105			4	284	9/10/2025
5	Nguyễn Thị Hải	1	65					1	65	2/10/2025
	Nguyễn Thị Hải	2	132					2	132	3/10/2025
	Nguyễn Thị Hải	2	238	1	166			1	72	6/10/2025
6	Đặng Văn Kiểm	1	15					1	15	3/10/2025
	Đặng Văn Kiểm	5	514					5	514	5/10/2025
	Đặng Văn Kiểm	5	182	1	122			4	60	9/10/2025
7	Dương Văn Hùng	2	148					2	148	8/10/2025
	Dương Văn Hùng	1	76					1	76	14/10/2025
8	Võ Thị Thủy	1	211	1	211					10/10/2025
9	Trần Đình Sơn	1	257	1	257					10/10/2025
10	Trần Thị Lý	1	133	1	133					12/10/2025
	Trần Thị Lý	1	240	1	240					28/10/2025
11	Nguyễn Thị Lành	1	81	1	81					13/10/2025
	Nguyễn Thị Lành	1	96	1	96					16/10/2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày, tháng tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
				Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
12	Lê Xuân Hồ	5	301	2	241			3	60	19/10/2025
	Lê Xuân Hồ	7	140					7	140	21/10/2025
13	Nguyễn Văn Toàn	2	290	1	238			1	52	22/10/2025
	Nguyễn Văn Toàn	7	439					7	439	24/10/2025
	Nguyễn Văn Toàn	2	162					2	162	27/10/2025
	Nguyễn Văn Toàn	2	284	1	208			1	76	3/11/2025
14	Nguyễn Thị Nhuận	1	153	1	153					23/10/2025
15	Nguyễn Minh Triều	3	165					3	165	27/10/2025
	Nguyễn Minh Triều	3	166					3	166	29/10/2025
	Nguyễn Minh Triều	5	455	1	192			4	263	4/11/2025
	Nguyễn Minh Triều	3	324	1	186			2	138	6/11/2025
	Nguyễn Minh Triều	1	305	1	305					7/11/2025
	Nguyễn Minh Triều	9	254					9	254	11/11/2025
	Nguyễn Minh Triều	24	315			20	182	4	133	19/11/2025
16	Dương văn Bắc	2	143					2	143	28/10/2025
	Dương văn Bắc	2	136					2	136	29/10/2025
	Dương văn Bắc	4	352					4	352	3/11/2025
	Dương văn Bắc	3	251					3	251	4/11/2025
	Dương văn Bắc	3	238					3	238	6/11/2025
	Dương văn Bắc	3	227					3	227	11/11/2025
	Dương văn Bắc	8	597					8	597	18/11/2025
	Dương văn Bắc	3	208					3	208	23/11/2025
	Dương văn Bắc	3	229					3	229	03/12/2025.
17	Dương Văn Chinh	1	73					1	73	3/11/2025
	Dương Văn Chinh	5	373					5	373	6/11/2025
	Dương Văn Chinh	1	78	1	78					24/11/2025
18	Nguyễn Thị Ngộ	1	294	1	294					9/11/2025
19	Trần Đình Sơn	1	215	1	215					25/11/2025
	Cộng	169	11556	25	4238	20	182	124	7136	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN MỸ LÂM
DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH DỊCH TẢ CHÂU
Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025
Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày, tháng tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trần Văn Phương	1	240	1	240					02/6/2025.
	Trần Văn Phương	1	250	1	250					07/6/2025.
2	Nguyễn Văn Hùng	1	58					1	58	05/6/2025.
	Nguyễn Văn Hùng	1	65					1	65	06/6/2025.
3	Dương Văn Mỹ	2	281	2	281					18/10/2025
	Dương Văn Mỹ	2	310	2	310					20/10/2025
4	Dương Văn Hạnh	1	192	1	192					20/10/2025
5	Nguyễn Thị Lệ Nhi	3	113			2	40	1	73	25/10/2025
	Nguyễn Thị Lệ Nhi	1	69					1	69	4/11/2025
6	Võ Thị Huệ	3	368	2	281			1	87	26/10/2025
	Võ Thị Huệ	1	80	1	80					22/11/2025
7	Trần Thị Lâm	2	507	2	507					27/10/2025
8	Trần Văn Minh	1	309	1	309					27/10/2025
9	Trần Thị Liên	2	156					2	156	30/10/2025
10	Trần Xuân Miên	1	80					1	80	5/11/2025
	Cộng	23	3078	13	2450	2	40	8	588	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN MỸ ĐÔNG

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH DỊCH TẢ CHÂU PHI

Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025

Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ghi chú
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Thị Lý	1	220	1	220					06/8/2025.
2	Nguyễn Xuân Lam	1	189	1	189					09/8/2025.
	Nguyễn Xuân Lam	14	193	1	147	13	46			9/10/2025
	Nguyễn Xuân Lam	1	257	1	257					25/10/2025
	Nguyễn Xuân Lam	1	164	1	164					13/11/2025
3	Bùi Đức Huy	1	122	1	122					14/8/2025.
	Bùi Đức Huy	5	75			5	75			23/8/2025
	Bùi Đức Huy	1	231	1	231					28/8/2025
4	Bùi Thị Thắng	1	177	1	177					26/8/2025
5	Phạm Văn Huệ	1	183	1	183					30/9/2025
	Phạm Văn Huệ	1	143	1	143					5/10/2025
	Phạm Văn Huệ	2	205	1	149			1	56	6/10/2025
	Phạm Văn Huệ	15	75			15	75			18/10/2025
6	Bùi Đức Thuận	2	110					2	110	16/10/2025
7	Hà Văn Phương	1	126	1	126					18/10/2025
	Hà Văn Phương	1	127	1	127					23/10/2025
	Hà Văn Phương	1	127	1	127					28/10/2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ghi chú
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
				Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
8	Lê Văn Hạnh	1	192	1	192					18/10/2025
	Lê Văn Hạnh	2	450	2	450					28/10/2025
9	Bùi Đức Thập	1	88	1	88					18/10/2025
10	Bùi Đức Tiến	2	80					2	80	12/11/2025
11	Trần Văn Công	3	282	1	232	2	50			18/11/2025
	Cộng	59	3816	19	3324	35	246	5	246	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN QUỐC TUẦN
DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH DỊCH TẢ CHÂU
Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025

Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày, tháng tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phạm Công Luân	9	207	1	167	8	40			11/10/2025
	Phạm Công Luân	3	251	1	101			2	150	12/11/2025
2	Võ Tá Long	4	226					4	226	22/10/2025
	Võ Tá Long	6	227					6	227	9/11/2025
3	Nguyễn Văn Dũng	4	259					4	259	7/11/2025
	Nguyễn Văn Dũng	1	60					1	60	9/11/2025
	Nguyễn Văn Dũng	1	22			1	22			12/11/2025
	Nguyễn Văn Dũng	4	155					4	155	17/11/2025
4	Phan Khắc Thắng	2	110					2	110	12/11/2025
	Cộng	34	1517	2	268	9	62	23	1187	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN TÂN MỸ
DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH DỊCH TẢ CHÂU PHI

Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025

Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ghi chú
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
				Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Lê Thị Hoa	3	183					3	183	16/5/2025.
2	Hoàng Văn Toàn	1	122	1	122					14/7/2025.
3	Nguyễn Đình Hà	2	188	1	158			1	30	27/7/2025.
	Nguyễn Đình Hà	2	40			1	10	1	30	29/07/2025.
	Nguyễn Đình Hà	9	468	2	342	3	14	4	112	7/30/2025
	Nguyễn Đình Hà	6	70			4	19	2	51	31/7/2025.
	Nguyễn Đình Hà	2	24			1	5	1	19	02/8/2025.
	Nguyễn Đình Hà	9	32			9	32			04/8/2025.
	Nguyễn Đình Hà	3	286	1	274	2	12			18/11/2025
4	Võ Hữu Hùng	1	138	1	138					29/7/2025.
	Võ Hữu Hùng	1	143	1	143					02/08/2025.
	Võ Hữu Hùng	1	145	1	145					03/8/2025.
	Võ Hữu Hùng	11	77			11	77			06/8/2025.
5	Hoàng Văn Mai	1	150	1	150					29/7/2025.
	Hoàng Văn Mai	10	66			10	66			07/8/2025.
	Hoàng Văn Mai	2	12			2	12			16/11/2025
6	Trần Thị cảnh	1	95	1	95					30/7/2025,
	Trần Thị cảnh	1	90	1	90					9/9/2025
7	Nguyễn Thị Tuyết	4	134					4	134	31/7/2025.
	Nguyễn Thị Tuyết	1	43					1	43	4/8/2025.
	Nguyễn Thị Tuyết	1	44					1	44	05/8/2025.
	Nguyễn Thị Tuyết	1	35					1	35	10/8/2025.
	Nguyễn Thị Tuyết	1	41					1	41	23/8/2025
8	Nguyễn Văn Hưng	4	60					4	60	03/8/2025.
	Nguyễn Văn Hưng	1	151	1	151					05/8/2025.
	Nguyễn Văn Hưng	2	38			2	38			06/8/2025.
	Nguyễn Văn Hưng	3	88			2	30	1	58	09/8/2025.
	Nguyễn Văn Hưng	1	12			1	12			21/8/2025
9	Võ Hữu Mạnh	1	233	1	233					05/8/2025.

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠİ								Ghi chú
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
				Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
10	Bùi Đức Bình	2	64			1	5	1	59	09/8/2025.
	Bùi Đức Bình	2	437	2	437					10/8/2025.
	Bùi Đức Bình	1	23					1	23	12/8/2025.
	Bùi Đức Bình	1	26					1	26	13/8/2025.
	Bùi Đức Bình	2	18			2	18			15/8/2025.
	Bùi Đức Bình	5	121			1	9	4	112	17/8/2025.
	Bùi Đức Bình	5	47			5	47			18/8/2025.
	Bùi Đức Bình	3	83					3	83	19/8/2025
	Bùi Đức Bình	8	112			6	63	2	49	20/8/2025
11	Dương Thị Thân	9	91			8	24	1	67	11/8/2025.
12	Võ Thị Hiền	2	112					2	112	4/10/2025
	Võ Thị Hiền	6	120					6	120	6/10/2025
	Võ Thị Hiền	4	80					4	80	7/10/2025
13	Nguyễn Thị Diện	1	297	1	297					9/10/2025
14	Phan Kính	2	105					2	105	16/10/2025
	Phan Kính	1	49					1	49	24/10/2025
15	Võ Hữu Quang	5	428					5	428	21/10/2025
	Võ Hữu Quang	9	176	1	164	8	12			22/10/2025
	Võ Hữu Quang	2	175					2	175	28/10/2025
16	Đào Xuân Huân	3	228					3	228	21/10/2025
	Đào Xuân Huân	2	399	2	399					22/10/2025
	Đào Xuân Huân	1	150	1	150					24/10/2025
	Đào Xuân Huân	8	440					8	440	28/10/2025
	Đào Xuân Huân	1	94					1	94	30/10/2025
	Đào Xuân Huân	1	164	1	164					3/11/2025
	Đào Xuân Huân	2	151					2	151	12/11/2025
17	Nguyễn Thị Diên	2	60					2	60	26/10/2025
	Nguyễn Thị Diên	2	60					2	60	29/10/2025
18	Nguyễn Song Hiệp	1	70					1	70	26/10/2025
	Nguyễn Song Hiệp	2	135					2	135	30/10/2025
19	Võ Thị Hòa	1	50					1	50	28/10/2025
	Võ Thị Hòa	4	200					4	200	12/11/2025
20	Trần Thị Thu	1	88					1	88	28/10/2025
	Trần Thị Thu	3	239					3	239	30/10/2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠİ								Ghi chú
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)					
	Trần Thị Thu	2	250	1	164			1	86	7/11/2025
	Trần Thị Thu	1	85					1	85	11/11/2025
	Trần Thị Thu	1	60					1	60	19/11/2025
21	Phan Chắt	1	30					1	30	29/10/2025
22	Nguyễn Viết Xuân	1	72					1	72	30/10/2025
23	Trương Thị Việt	1	127	1	127					28/10/2025
	Trương Thị Việt	1	64					1	64	19/11/2025
24	Bùi Thị Mai	1	52					1	52	9/11/2025
	Bùi Thị Mai	4	269					4	269	15/11/2025
	Bùi Thị Mai	1	65					1	65	18/11/2025
	Bùi Thị Mai	2	115					2	115	20/11/2025
	Bùi Thị Mai	5	332					5	332	28/11/2025
	Cộng	211	9821	23	3943	79	505	109	5373	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN PHƯƠNG TRÚ
DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH DỊCH TẢ CHÂU PHI

Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025
Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ghi chú
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Thị Hằng	1	238	1	238					09/6/2025.
2	Lê Thị Hương	3	130					3	130	21/7/2025.
3	Phạm Ngọc Nhân	10	110			8	76	2	34	22/7/2025.
	Phạm Ngọc Nhân	14	210			7	70	7	140	28/7/2025,
	Phạm Ngọc Nhân	3	31			3	31			01/8/2025.
	Phạm Ngọc Nhân	8	114					8	114	03/8/2025.
4	Thái Xuân Tịnh	1	55					1	55	30/7/2025.
	Thái Xuân Tịnh	2	130					2	130	6/10/2025
	Thái Xuân Tịnh	5	343					5	343	8/10/2025
	Thái Xuân Tịnh	6	391					6	391	9/10/2025
5	Võ Phương Quang	1	237	1	237					09/8/2025.
	Võ Phương Quang	2	94					2	94	30/10/2025
	Võ Phương Quang	1	45					1	45	11/11/2025
6	Trần Văn Phương	8	206					8	206	11/8/2025.
7	Đoàn Xuân Sỹ	1	138	1	138					24/8/2025
	Đoàn Xuân Sỹ	1	93	1	93					2/9/2025
	Đoàn Xuân Sỹ	7	313					7	313	26/10/2025
8	Đặng Thị Hà	11	231					11	231	19/8/2025
9	Phạm thị Trang	5	152					5	152	20/8/2025
10	Đậu Thị Huê	1	214	1	214					27/8/2025
	Đậu Thị Huê	1	231	1	231					31/8/2025
11	Nguyễn Văn Trường	2	45					2	45	31/8/2025
12	Nguyễn Công Ty	1	82	1	82					3/9/2025
	Nguyễn Công Ty	1	324	1	324					6/10/2025
	Nguyễn Công Ty	2	19			2	19			19/11/2025
13	Đậu Văn Ánh	2	304	2	304					14/9/2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ghi chú
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
				Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
14	Nguyễn Thị Châu	1	43					1	43	18/9/2025
	Nguyễn Thị Châu	8	302					8	302	20/9/2025
	Nguyễn Thị Châu	1	38					1	38	27/9/2025
15	Nguyễn Văn Tuyển	1	116	1	116					7/9/2025
	Nguyễn Văn Tuyển	1	190	1	190					16/9/2025
	Nguyễn Văn Tuyển	1	24					1	24	18/9/2025
	Nguyễn Văn Tuyển	3	98					3	98	23/9/2025
	Nguyễn Văn Tuyển	2	83					2	83	24/9/2025
	Nguyễn Văn Tuyển	5	264					5	264	30/9/2025
	Nguyễn Văn Tuyển	3	171					3	171	8/10/2025
16	Nguyễn Đình Huy	1	43					1	43	24/9/2025
	Nguyễn Đình Huy	1	48					1	48	29/9/2025
	Nguyễn Đình Huy	7	377					7	377	1/10/2025
17	Nguyễn Thị Dung	2	28					2	28	24/9/2025
	Nguyễn Thị Dung	4	55					4	55	26/9/2025
	Nguyễn Thị Dung	2	27					2	27	27/9/2025
18	Đặng Kim Tịnh	1	106	1	106					24/9/2025
19	Cao Thị Hồng	1	55					1	55	29/9/2025
20	Cao Thị Thảo Hà	2	116					2	116	1/10/2025
21	Hoàng Văn Bảo	1	77					1	77	2/10/2025
	Hoàng Văn Bảo	1	77					1	77	6/10/2025
22	Đặng Văn Kỳ	2	90					2	90	2/10/2025
	Đặng Văn Kỳ	1	47					1	47	4/10/2025
	Đặng Văn Kỳ	4	253					4	253	8/10/2025
23	Hoàng Trọng Vệ	1	51					1	51	4/10/2025
	Hoàng Trọng Vệ	5	342					5	342	6/10/2025
24	Lê Văn Xuyên	7	308	2	283	5	25			4/10/2025
25	Lưu Mạnh Hùng	1	89	1	89					8/10/2025
	Lưu Mạnh Hùng	2	174	1	89			1	85	14/10/2025
	Lưu Mạnh Hùng	1	145	1	145					16/10/2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ghi chú
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
				Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
26	Hoàng Thị Êm	1	82					1	82	13/10/2025
27	Nguyễn Tiến Công	5	264					5	264	14/10/2025
	Nguyễn Tiến Công	2	124					2	124	11/11/2025
28	Phan Thanh Thắng	1	70					1	70	14/10/2025
29	Phan Thanh Chiến	1	71					1	71	14/10/2025
	Phan Thanh Chiến	3	115					3	115	25/10/2025
30	Phạm Xuân Kỳ	2	94					2	94	15/10/2025
31	Trần Hữu Sơn	4	174					4	174	16/10/2025
32	Phan Đình Nuôi	1	138	1	138					18/10/2025
33	Nguyễn Văn Kỹ	4	258					4	258	18/10/2025
34	Lê Văn Ngộ	1	78					1	78	25/10/2025
	Lê Văn Ngộ	1	92	1	92					28/10/2025
35	Phạm Văn	2	39					2	39	25/10/2025
36	Phạm Văn Tuấn	2	149					2	149	30/10/2025
37	Hoàng Văn Hùng	2	132					2	132	30/10/2025
38	Đậu Văn Đề	2	203					2	203	31/10/2025
	Đậu Văn Đề	3	294	1	103			2	191	3/11/2025
39	Đậu Văn Hùng	9	202			9	202			3/11/2025
	Đậu Văn Hùng	9	201			9	201			9/11/2025
	Đậu Văn Hùng	5	133					5	133	10/11/2025
40	Phạm Long	1	127	1	127					9/11/2025
	Phạm Long	1	81	1	81					28/11/2025
41	Dương Văn Sương	1	87					1	87	10/11/2025
	Dương Văn Sương	1	97	1	97					19/11/2025
42	Võ Phương Tỵ	2	143					2	143	11/11/2025
43	Lê Văn Quyển	1	78					1	78	13/11/2025
	Cộng	240	11843	24	3517	43	624	173	7702	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN QUỐC TIỀN
DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH DỊCH TẢ CHÂU PHI
Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025
Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ghi chú
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Bùi Đức Hồng	1	96	1	96					29/7/2025.
	Bùi Đức Hồng	1	107	1	107					6/8/2025.
2	Hà Văn Minh	2	170					2	170	15/9/2025
	Hà Văn Minh	1	240	1	240					22/9/2025
3	Trương Văn Bình	2	163					2	163	29/9/2025
4	Hà Văn Thuyết	2	308	1	297	1	11			10/10/2025
	Hà Văn Thuyết	4	49			4	49			12/10/2025
	Hà Văn Thuyết	8	121			8	121			19/10/2025
5	Bùi Đức Nghĩa	1	15					1	15	10/10/2025
	Bùi Đức Nghĩa	5	138					5	138	12/10/2025
6	Võ Tá Phương	1	232	1	232					16/10/2025
	Võ Tá Phương	1	299	1	299					20/10/2025
	Võ Tá Phương	5	139					5	139	23/10/2025
	Võ Tá Phương	4	132					4	132	24/10/2025
	Võ Tá Phương	10	307					10	307	14/11/2025
7	Nguyễn Trọng Dũng	5	193					5	193	19/10/2025
	Nguyễn Trọng Dũng	2	305	1	271			1	34	26/10/2025
	Nguyễn Trọng Dũng	4	165					4	165	28/10/2025
8	Bùi Đức Chiến	2	69					2	69	24/10/2025
	Bùi Đức Chiến	4	349	1	215			3	134	29/10/2025
	Bùi Đức Chiến	1	222	1	222					19/11/2025
9	Dương Quốc Tuấn	2	499	2	499					30/10/2025
	Dương Quốc Tuấn	1	343	1	343					3/11/2025
	Dương Quốc Tuấn	1	258	1	258					9/11/2025
	Cộng	70	4919	13	3079	13	181	44	1659	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN TÂN DUỆ
DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH DỊCH TẢ CHÂU PHI
Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025
Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ghi chú
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
				Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Hoàng Trọng Bảo	10	190					10	190	09/6/2025.
2	Lê Văn Toàn	1	109	1	109					18/9/2025
3	Bùi Đình Chung	1	69					1	69	23/9/2025
	Bùi Đình Chung	3	192					3	192	2/10/2025
	Bùi Đình Chung	9	853					9	853	28/9/2025
4	Nguyễn Xuân Đức	1	204	1	204					7/10/2025
5	Trần Thị Phương	1	48					1	48	7/10/2025
6	Nguyễn Trọng Thịnh	1	328	1	328					7/10/2025
	Nguyễn Trọng Thịnh	5	252					5	252	31/10/2025
7	Hồ Khắc Thạnh	1	213	1	213					8/10/2025
	Hồ Khắc Thạnh	5	348	1	222			4	126	12/10/2025
8	Bùi Xuân Hùng	1	239	1	239					15/10/2025
	Bùi Xuân Hùng	6	614	1	249			5	365	20/10/2025
9	Nguyễn Trọng Luận	1	228	1	228					15/10/2025
10	Hồ Văn Thiết	3	180	1	114			2	66	15/10/2025
	Hồ Văn Thiết	8	370	1	99			7	271	20/10/2025
11	Nguyễn Văn Chính	1	240	1	240					17/10/2025
	Nguyễn Văn Chính	2	528	2	528					26/10/2025
	Nguyễn Văn Chính	5	50			5	50			10/11/2025
12	Lê Quang Hương	3	155					3	155	27/10/2025
13	Phạm Khắc Ngụ	16	255	1	240	15	15			28/10/2025
14	Nguyễn Doãn Được	1	214	1	214					3/11/2025
	Nguyễn Doãn Được	1	225	1	225					7/11/2025
15	Bùi Đức Sơn	1	20			1	20			7/11/2025
	Bùi Đức Sơn	1	176	1	176					10/11/2025
	Bùi Đức Sơn	4	88			4	88			13/11/2025
	Cộng	92	6388	17	3628	25	173	50	2587	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN CHU TRINH
DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH DỊCH TẢ CHÂU

Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025

Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày, tháng tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)					
1	2	3	4	5	6			7	8	9
1	Nguyễn Thị Long	5	410					5	410	26/9/2025
2	Lê Thị Thanh	1	164	1	164					4/10/2025
	Lê Thị Thanh	2	158					2	158	15/10/2025
	Lê Thị Thanh	1	116					1	116	19/10/2025
3	Trương Minh Tạo	1	257	1	257					6/10/2025
	Trương Minh Tạo	3	386	1	257			2	129	15/10/2026
	Trương Minh Tạo	7	406	1	138	3	24	3	244	20/10/2025
	Trương Minh Tạo	1	358	1	358					12/11/2025
4	Thái Văn Hòa	7	255					7	255	26/10/2025
	Thái Văn Hòa	1	223	1	223					29/10/2025
	Thái Văn Hòa	6	136					6	136	31/10/2025
5	Lê Văn Hòa	1	240	1	240					27/10/2025
	Cộng	36	3109	7	1637	3	24	26	1448	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN TRẦN PHÚ

Mẫu 02a

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH DỊCH TẢ CHÂU

Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025

Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày, tháng tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Văn Cường	1	164	1	164					11/10/2025
2	Nguyễn Chí Nhân	5	118					5	118	27/10/2025
	Nguyễn Chí Nhân	3	298	1	274	2	24			7/11/2025
	Nguyễn Chí Nhân	5	50			5	50			9/11/2025
3	Nguyễn Hữu Dũng	1	67					1	67	28/10/2025
	Cộng	15	697	2	438	7	74	6	185	

**UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN TRUNG THÀNH**

Mẫu 02a

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH DỊCH TẢ

Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025

Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ngày, tháng tiêu hủy
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Hồ Văn Thuật	3	174					3	174	27/10/2025
	Hồ Văn Thuật	9	490					9	490	31/10/2025
2	Nguyễn Trọng Xuân	1	106	1	106					27/10/2025
3	Bùi Thị Thuận	1	70					1	70	27/10/2025
4	Bùi Đức Mỹ	10	160			10	160			10/11/2025
	Cộng	24	1000	1	106	10	160	13	734	

UBND XÃ CẨM DUỆ

THÔN HOA THẨM

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH DỊCH TẢ CHÂU PHI

Mẫu 02a

Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025

Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ghi chú
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
				Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Hồ Khắc Hùng	1	96	1	96					11.5.2025
2	Tạ văn Thái	2	221	2	221					13/5/2025.
3	Đào Xuân Hoi	6	88			6	88			18/5/2025.
	Đào Xuân Hoi	7	105			7	105			24/5/2025.
4	Nguyễn Thị Trúc	13	319	1	163			12	156	29/5/2025.
5	Nguyễn Thị linh	7	281	1	146			6	135	29/5/2025.
	Nguyễn Thị linh	3	76					3	76	04/6/2025.
6	Nguyễn Văn Phú	1	30					1	30	30/5/2025.
7	Trương Quang Bình	9	360					9	360	29/10/2025
	Cộng	49	1576	5	626	13	193	31	757	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN QUANG TRUNG
DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH DỊCH TẢ CHÂU PHI

Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025

Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ghi chú
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
				Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trần Thị Nguyệt	3	55			2	8	1	47	18/9/2025
	Trần Thị Nguyệt	4	245					4	245	30/9/2025
	Trần Thị Nguyệt	5	348	1	101			4	247	2/10/2025
	Trần Thị Nguyệt	2	117					2	117	3/10/2025
	Trần Thị Nguyệt	1	106	1	106					10/10/2025
2	Nguyễn Thị Lý	1	43					1	43	20/9/2025
	Nguyễn Thị lý	1	200	1	200					7/10/2025
	Nguyễn Thị lý	1	38					1	38	8/10/2025
3	Nguyễn Văn Châu	1	53					1	53	27/9/2025
	Nguyễn Văn Châu	1	69					1	69	3/10/2025
	Nguyễn Văn Châu	1	63					1	63	11/110/2025
4	Bùi Thị Hoan	1	138	1	138					6/10/2025
	Bùi Thị Hoan	5	297	1	148			4	149	15/10/2025
	Bùi Thị Hoan	4	180					4	180	20/10/2025
	Bùi Thị Hoan	4	192					4	192	21/10/2025
	Bùi Thị Hoan	3	131					3	131	30/10/2025
	Bùi Thị Hoan	1	50					1	50	11/10/2025
5	Bùi Thị Hợi	2	213	1	192			1	21	18/10/2025
	Bùi Thị Hợi	2	237	1	207			1	30	20/10/2025
	Bùi Thị Hợi	9	421					9	421	30/10/2025
	Bùi Thị Hợi	4	200					4	200	31/10/2025
6	Nguyễn Văn Hà	1	100	1	100					20/10/2025
7	Trần Thị Ngợi	2	100					2	100	24/10/2025
	Trần Thị Ngợi	3	181	1	95			2	86	29/10/2025
	Trần Thị Ngợi	3	181					3	181	30/10/2025
	Trần Thị Ngợi	7	568					7	568	3/11/2025
	Trần Thị Ngợi	5	392					5	392	5/11/2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ghi chú
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)					
8	Nguyễn Thị Liệu	5	215					5	215	24/10/2025
9	Hoàng Thị Tịnh	1	127	1	127					25/10/2025
	Hoàng Thị Tịnh	2	47					2	47	30/10/2025
	Hoàng Thị Tịnh	2	73					2	73	5/11/2025
	Hoàng Thị Tịnh	1	38					1	38	11/11/2025
10	Nguyễn Thị Hồng(Dũng)	1	127	1	127					27/10/2025
	Nguyễn Thị Hồng(Dũng)	2	100					2	100	11/11/2025
11	Nguyễn Thị Hồng (Hải)	5	338	1	127			4	211	28/10/2025
	Nguyễn Thị Hồng (Hải)	1	70					1	70	3/11/2025
	Nguyễn Thị Hồng (Hải)	1	60					1	60	5/11/2025
	Cộng	98	6113	12	1668	2	8	84	4437	

UBND XÃ CẨM DUỆ
THÔN THÔNG NHẤT

Mẫu 02a

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC HỘ CÓ LỢN CHẾT DO MẮC BỆNH DỊCH TẢ CHÂU PHI

Từ ngày 04/05/2025 đến 15/12/2025

Kèm theo văn bản số /UBND-KT ngày tháng 12 năm 2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ghi chú
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trần Thị Ngọc	2	38					2	38	07/6/2025.
	Trần Thị Ngọc	5	16			5	16			09/6/2025.
2	Thái Thị Vinh	7	397					7	397	30/6/2025.
3	Bùi Đức Viện	1	223	1	223					23/7/2025.
4	Võ Tá Hoan	1	151	1	151					31/7/2025.
5	Trần Thị Vinh	1	222	1	222					01/8/2025.
	Trần Thị Vinh	1	153	1	153					08/8/2025.
	Trần Thị Vinh	15	270	1	207	14	63			15/8/2025.
	Trần Thị Vinh	4	260					4	260	16/8/2025.
6	Nguyễn Thị Nguyệt	1	222	1	222					01/8/2025.
	Nguyễn Thị Nguyệt	9	196	1	96	7	40	1	60	10/8/2025.
7	Bùi Đức Viện	3	252					3	252	01/8/2025.
8	Bùi Thị Hoan	1	50					1	50	4/8/2025.
	Bùi Thị Hoan	1	46					1	46	8/8/2025.
	Bùi Thị Hoan	3	166					3	166	12/8/2025.
9	Phan Thị Hoa	1	66					1	66	15/9/2025
	Phan Thị Hoa	6	409					6	409	22/9/2025
	Phan Thị Hoa	4	287					4	287	23/9/2025
	Phan Thị Hoa	2	92					2	92	24/9/2025
	Phan Thị Hoa	3	150					3	150	28/9/2025
	Phan Thị Hoa	5	252					5	252	29/9/2025
10	Bùi Văn Sinh	1	251	1	251					17/9/2025
	Bùi Văn Sinh	4	251					4	251	11/10/2025
	Bùi Văn Sinh	4	241					4	241	12/10/2025
11	Bùi Thị Hiên	1	180	1	180					24/9/2025
	Bùi Thị Hiên	1	178	1	178					28/9/2025
	Bùi Thị Hiên	1	173	1	173					1/10/2025
	Bùi Thị Hiên	4	245					4	245	5/10/2025
12	Phan Thị Công	1	26					1	26	4/10/2025

TT	Hộ chăn nuôi	TỔNG HỢP THIẾT HẠI								Ghi chú
		Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Trong đó						
				Lợn nái, đực giống		Lợn con		Lợn thịt		
Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)	Số lượng (con)	Khối lượng (kg)					
	Phan Thị Công	2	51					2	51	10/10/2025
	Phan Thị Công	1	25					1	25	11/10/2025
13	Bùi Văn Trường	1	153	1	153					5/10/2025
	Bùi Văn Trường	1	222	1	222					19/10/2025
14	Trần Văn Trọng	1	159	1	159					8/10/2025
	Trần Văn Trọng	1	143	1	143					19/10/2025
15	Đặng Bá Hồng	1	143	1	143					8/10/2025
16	Trần Văn Phương	1	94	1	94					11/10/2025
17	Bùi Thị Phương	7	278	1	272	6	6			14/10/2025
	Bùi Thị Phương	1	74					1	74	27/10/2025
18	Bùi Thị Thành	1	101	1	101					15/10/2025
19	Trần Văn Thắng	3	153					3	153	15/10/2025
	Trần Văn Thắng	4	236					4	236	20/10/2025
20	Bùi Văn Bình	2	309	1	272			1	37	15/10/2025
	Bùi Văn Bình	2	122					2	122	21/10/2025
	Bùi Văn Bình	3	235					3	235	22/10/2025
	Bùi Văn Bình	2	118					2	118	30/10/2025
21	Bùi Đình Nghị	16	218	1	203	15	15			17/10/2025
22	Bùi Thị Nga	2	50					2	50	18/10/2025
	Bùi Thị Lan	14	310	1	220	12	60	1	30	19/10/2025
	Bùi Thị Lan	7	258					7	258	28/10/2025
	Bùi Thị Lan	2	56					2	56	10/11/2025
23	Dương Thị Tuyết	1	147	1	147					23/10/2025
	Dương Thị Tuyết	1	181	1	181					31/10/2025
	Trần Thị Ngọc	1	95					1	95	29/10/2025
24	Bùi Văn Hóa	1	97	1	97					30/10/2025
	Bùi Văn Hóa	1	196	1	196					7/11/2025
25	Trần Văn Quang	1	96	1	96					19/11/2025
	Cộng	174	9783	27	4755	59	200	88	4828	